

Bản án số: 01/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 23/4/2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tần Phàn Pao; ông Cheo An Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Trung Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Gia Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Chúng Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân K, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Chúng Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Xuân K đăng ký kết hôn từ năm 1997 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng anh Trịnh Xuân K mắc vào tệ nạn xã hội, chị và gia

đình đã khuyên bảo can ngăn nhưng anh K không nghe mà vẫn sa ngã vào con đường tệ nạn xã hội, không từ bỏ được và cũng do công việc kinh doanh khó khăn nên gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, nay chị H không thể tiếp tục chung sống với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh K có 01 cháu tên là Trịnh Tấn D, sinh ngày 06/12/1997 cháu đã trưởng thành nên chị H không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Tại bên bản lấy lời khai ngày 03/3/2021 anh Trịnh Xuân K trình bày, anh và chị Chúng Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/1997 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì, đôi khi có sự va chạm nhưng chưa đến mức ly hôn. Anh chị cũng đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 và không ai quan tâm đến ai, nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì lý do vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung, cháu tên là Trịnh Tấn D, sinh ngày 06/12/1997 cháu đã trưởng thành nên anh K không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập các bên để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình: Ngày 17/11/1997, chị Chúng Thị H và anh Trịnh Xuân K đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác*

lập để giải quyết”. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K thì Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chúng Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Trịnh Xuân K.

- Về con chung, cấp dưỡng: Chị H và anh K có 01 con chung, cháu Trịnh Tấn D, sinh ngày 06/12/1997, cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét xử và xác định tư cách đương sự là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Chúng Thị H và anh Trịnh Xuân K, đăng ký kết hôn ngày 17/11/1997 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng do anh K mắc tệ nạn xã hội và không tu chí làm ăn, chị H và gia đình đã khuyên bảo để anh K đi cai nghiện nhưng anh K vẫn không từ bỏ được, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H không còn tình cảm với anh K nên làm đơn xin ly hôn.

Tại phiên tòa ngày 08/4/2021 bị đơn anh Trịnh Xuân K vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập, giao giấy triệu tập, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh K vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh K.

Tại biên bản xác minh ngày 07/4/2021 tại nhà ông Lò Văn Q- Trưởng khu C, thị trấn S. Ông Q cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh K và chị H khu phố không được biết, nhưng do anh K mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Về con chung, hai anh chị có 01 cháu Trịnh Tấn D, cháu đã lớn và đi học đại học. Về tài sản, hai vợ chồng có 02 ngôi nhà hiện này mỗi người ở một nhà, nợ chung, hai anh chị có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Sìn Hồ với số tiền 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Chúng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trịnh Xuân K và không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và việc giải quyết ly hôn để chị H ổn định cuộc sống, ổn định công việc là cần thiết vì tình cảm của chị H cũng không còn dành cho anh K, hai bên cũng có sự mâu thuẫn và đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Chúng Thị H phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chúng Thị H vì anh chị đã ly thân và không còn tình cảm với nhau nữa, nguyên nhân do anh Khang mắc tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy).

Về con chung, cấp dưỡng: Anh chị có 01 cháu Trịnh Tấn D, sinh ngày 06/12/1997, cháu đã trưởng thành và không đề nghị giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Chúng Thị H phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chúng Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Chúng Thị H và anh Trịnh Xuân K theo giấy chứng nhận kết hôn số 173, quyển số 01 ngày 17/11/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu cấp. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, cấp dưỡng; Tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Chúng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Chúng Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0003259 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lai Châu, chị Chúng Thị H đã nộp đủ.

Vụ án được xét xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn S.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu (01 bản);
- VKSND huyện (02 bản);
- Chi cục THA Dân sự huyện (01 bản);
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình